

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP:

Kinh nghiệm từ Nhật Bản

KIỀU MAI HƯƠNG*

Ở Nhật Bản, chỉ với 3% dân số, trong đó chủ yếu là người già và người cao tuổi làm nông nghiệp, nhưng ngành nông nghiệp không chỉ đáp ứng 40% nhu cầu của người dân mà còn vươn ra xuất khẩu được nhiều sản phẩm nông sản nổi tiếng thế giới. Để đạt được thành công nêu trên, không thể không kể đến vai trò của Chính phủ Nhật Bản trong việc thực hiện hàng loạt những chính sách vĩ mô, tạo môi trường thuận lợi, nhằm kích thích nền sản xuất nông nghiệp. Đây sẽ là kinh nghiệm quý giá cho Việt Nam phát triển nông nghiệp trong bối cảnh hiện nay.

CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP NHẬT BẢN

Chính sách hỗ trợ: Bước ngoặt của chính sách nông nghiệp thực sự bắt đầu khi Luật Nông nghiệp cơ bản được ban hành vào năm 1961, với hai phương hướng chính sách chủ yếu là: (i) Phát triển sản xuất có chọn lọc, cụ thể là đẩy mạnh sản xuất những sản phẩm có nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng; (ii) Giảm sản xuất những nông phẩm có sức tiêu thụ kém. Hoàn thiện cơ cấu nông nghiệp, kể cả việc phát triển những nông hộ và hợp tác xã (HTX) có năng lực về quản lý kinh doanh và canh tác. Năm 1969, Nhà nước đã ban hành Luật Cải tạo và Phát triển những vùng đất có khả năng mở rộng sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1970, Luật Đất đai nông nghiệp và Luật HTX nông nghiệp được sửa đổi bổ sung đã mở rộng quyền hạn cho thuê, phát canh đất sản xuất nông nghiệp cũng như quyền quản lý cho các tập đoàn và các HTX nông nghiệp. Năm 1975, Nhật Bản quyết định thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp toàn diện, bao gồm: đảm bảo an toàn lương thực; xem xét lại chính sách giá cả; hoàn thiện cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh các công trình phúc lợi trong các làng xã. Đồng thời, Chương trình Đẩy mạnh sử dụng đất nông nghiệp đã được triển khai. Chương trình này được bổ sung vào năm 1980 và nhờ vậy, nó giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Nhật Bản luôn có chính sách hỗ trợ kịp thời để khuyến khích phát triển nông nghiệp, như: Chính sách giá cả, đặc biệt chính sách trợ giá cho lúa gạo khá lớn, đã kích thích sản xuất và dẫn đến sản xuất thừa gạo; Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, cung cấp các trang thiết bị, vật tư cho nông nghiệp, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại, cho vay vốn tín dụng...

Phát triển khoa học, công nghệ ứng dụng vào nông nghiệp: Sau Chiến tranh thế giới thứ II, kinh tế Nhật Bản đã bị tàn phá nặng nề, không chỉ sản xuất công nghiệp mà nông nghiệp cũng đạt ở mức rất thấp, nguyên liệu và lương thực trong nước thiếu thốn trầm trọng. Do vậy, trong điều kiện đó, để phát triển nông nghiệp, Nhật Bản coi phát triển khoa học kỹ thuật nông nghiệp là biện pháp hàng đầu.

Nhật Bản tập trung vào các công nghệ tiết kiệm đất, như: tăng cường sử dụng phân hoá học; hoàn thiện công tác quản lý và kỹ thuật tưới tiêu nước cho ruộng lúa; lai tạo và đưa vào sử dụng đại trà những giống kháng bệnh, sâu rầy và chịu rét; nhanh chóng đưa sản xuất nông nghiệp sang kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất... Đây là một thành công quan trọng về định hướng đầu tư khiến cho sản xuất nông nghiệp chỉ 5 năm sau Chiến tranh vào năm 1950 đã được phục hồi xấp xỉ mức trước chiến tranh. Sản xuất tiếp tục phát triển và tới năm 1953 đã vượt mức trước chiến tranh 30%. Sản xuất nâng cao là điều kiện thuận lợi để Nhật Bản thực hiện Chương trình hiện đại hoá sản xuất nông nghiệp.

Để phát triển khoa học, kỹ thuật nông nghiệp, Nhật Bản đã dựa chủ yếu vào các viện nghiên cứu nông nghiệp của Nhà nước và của chính quyền các địa phương. Thời gian này, những viện nghiên cứu vùng được Nhà nước thành lập, trong đó

*ThS., Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội

Email: kmhuong@gmail.com

Viện Nghiên cứu quốc gia về khoa học nông nghiệp đã được thành lập ở cấp Nhà nước là tổ chức nghiên cứu có trách nhiệm tổng hợp gắn kết toàn bộ các viện nghiên cứu cấp ngành thành một khối. Việc nghiên cứu nông nghiệp do Viện Nghiên cứu quốc gia về khoa học nông nghiệp và các viện nghiên cứu nông nghiệp chuyên ngành cùng đảm nhiệm. Bên cạnh đó, các viện nghiên cứu nông nghiệp cũng tăng cường liên kết nghiên cứu với các trường đại học, các xí nghiệp tư nhân và các hội khuyến nông. Nhờ vậy, việc phát triển và mở rộng việc áp dụng các nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp đã góp phần quan trọng vào việc tăng cường hiệu quả sản xuất nông nghiệp song song với những tiến bộ đạt được trong lĩnh vực phát triển cơ giới hoá, đầu tư và hoàn thiện cơ sở vật chất hạ tầng.

Vai trò của HTX: Ra đời từ thế kỷ XIX, ảnh hưởng của HTX bao trùm lên toàn bộ đời sống sinh hoạt hàng ngày của người nông dân Nhật Bản. HTX nông nghiệp được xây dựng trên nền tảng làng xã nông thôn Nhật Bản. Trong mỗi làng xã, những mối quan hệ nhiều chiều đa dạng đã tồn tại từ rất lâu giữa các gia đình, giữa những người nông dân. Lợi dụng ưu điểm này, HTX nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở cộng đồng nông thôn để tạo quan hệ cộng đồng mới vững chắc được bắt nguồn từ bên trong cộng đồng làng xã. Phát huy đầy đủ vai trò của HTX nông nghiệp. Đó là một tổ chức bao quát các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn và hộ nông dân. Hiện nay, trên 99% số hộ nông dân ở Nhật Bản đều là thành viên của các tổ chức HTX. Thông qua sức mạnh tập thể, mạng lưới HTX phân bố khắp cả nước đã cung cấp cho nông dân những dịch vụ nhanh chóng, chu đáo, hiệu quả. Tại Nhật Bản, liên minh HTX nông nghiệp phụ trách tiêu thụ trên 80% số nông phẩm; trên 90% tài liệu hướng dẫn sản xuất nông nghiệp là do HTX nông nghiệp cung cấp; 71% thông tin sản xuất và 59% thông tin sinh hoạt được cung cấp từ phía hệ thống HTX trong cả nước. Có thể nói, HTX nông nghiệp đã phát huy vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển, nâng cao đời sống cho người nông dân, bảo vệ quyền và lợi ích cho người nông dân, thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn Nhật Bản trong suốt mấy chục năm qua.

Chính sách hỗ trợ nông dân: Khuyến khích người nông dân tích cực tham gia,

coi trọng tính tự lập, tự chủ. Thời gian đầu, công cuộc xây dựng nông thôn mới ở Nhật Bản do Chính phủ đóng vai trò chủ đạo. Thời kỳ sau, do nguồn tài chính khá hạn hẹp, không thể “ôm đồm” nhiều vấn đề, Nhật Bản ý thức được rằng, muốn xây dựng nông thôn mới nếu chỉ dựa vào Chính phủ sẽ không thể đủ, cần phải có sự tham gia tích cực của người nông dân - đội ngũ những người được hưởng lợi trong công cuộc này. Chính vì vậy, Chính phủ Nhật Bản đã tìm mọi cách để nâng cao tính tích cực, sáng tạo của người nông dân, để họ thực sự trở thành đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng phát triển nông thôn. Cụ thể, trong phong trào xây dựng làng xã, Chính phủ Nhật Bản đề cao tinh thần phát huy tính sáng tạo, dám nghĩ dám làm, từ việc xây dựng, thực thi quy hoạch, đến việc lựa chọn sản phẩm trong phong trào “mỗi làng một sản phẩm”, đều là do dân cư các vùng tự căn cứ vào nhu cầu của địa phương mình để đề xuất, thực hiện.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp bền vững, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, điển hình như: Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Thực hiện chủ trương này, ngoài kế hoạch tổng thể, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng và đang triển khai thực hiện 16 đề án. Trong đó, có 06 đề án cụ thể hóa chủ trương tái cơ cấu trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi thủy sản, lâm nghiệp, chế biến nông sản và thủy lợi, cũng như 06 đề án cụ thể hóa các giải pháp để thực hiện những chủ trương này. Đó là tái cơ cấu đầu tư, đổi mới cơ chế, chính sách và pháp luật, phát triển khoa học, công nghệ, đào tạo nhân lực, đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản lý nhà nước.

Nhờ những chính sách được ban hành kịp thời, tích cực, ngành nông nghiệp đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và số liệu của Tổng cục Thống kê, giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng GDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt bình quân 3,1%/năm; giá trị sản xuất tăng bình quân 3,6%/năm. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năm 2010 đến năm 2015, tỷ lệ giá trị gia tăng/giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng từ 57% lên 65%; năng suất lao động xã hội ngành nông nghiệp (nghĩa rộng) tăng 1,75 lần, giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt tăng 1,45 lần, trên 1 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng 1,71 lần.

Tuy nhiên, nếu so với các nước có nền nông nghiệp phát triển cao trong khu vực và trên thế giới, thì nền nông nghiệp nước ta đang còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu một cách nghiêm túc. Nông nghiệp vẫn thiếu một chiến lược phát triển rõ ràng, có cơ sở khoa học vững chắc. Sản xuất nông nghiệp hiện còn quá manh mún, nhỏ bé. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất nông

ng nghiệp nhìn chung còn thiếu, yếu và lạc hậu. Mô hình tổ chức sản xuất nông nghiệp vẫn chưa được xác định rõ ràng. Năng suất lao động của nông nghiệp còn quá thấp, lao động nông nghiệp dư thừa nhiều. Việc xây dựng ô ạt các khu công nghiệp cũng như việc chuyển đất nông nghiệp thành đất ở và đất phi nông nghiệp trong những năm qua đã diễn ra quá nhanh, lấy mất nhiều vùng đất màu mỡ. Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến phát triển nông nghiệp, cũng như an ninh lương thực của nước ta trong những năm tới.

Từ thực trạng nói trên và kinh nghiệm phát triển nông nghiệp của Nhật Bản, theo chúng tôi, Nhà nước cần thực hiện có hiệu quả một số giải pháp về chính sách như sau:

Nhóm chính sách tác động trực tiếp:

Việt Nam cần chú trọng đến việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giải quyết đồng bộ các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Cụ thể:

Chính sách về giá: trợ giá nông sản không chỉ thực hiện ở việc mua giá ưu đãi của nông dân, mà nông dân trồng lúa còn được hưởng những ưu đãi khác, như: mua phân bón với giá thấp, miễn cước vận chuyển phân bón, được cung cấp giống mới có năng suất cao, được vay vốn lãi suất thấp từ ngân hàng nông nghiệp...

Chính sách về ruộng đất: hiện nay tích tụ ruộng đất bình quân ở Việt Nam chỉ có 0,6 ha/hộ; vào loại thấp nhất thế giới. Chính sách dồn điền, đổi thửa cho phép xử lý vấn đề đất đai manh mún. Nhưng cần thực hiện chính sách này từng bước một cách thận trọng và gắn với phân công lại lao động trong nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở phát triển kinh tế hộ gia đình.

Chính sách về phát triển HTX: HTX là nơi cung cấp chính các dịch vụ thiết yếu cho nông dân. Nhà nước cần hỗ trợ mạnh cho các HTX, hội nông dân để giúp các tổ chức này hoạt động tốt trong vai trò cung ứng vật tư nông nghiệp thiết yếu, đào tạo, dạy nghề, cung cấp thông tin, hỗ trợ kinh phí, điều kiện sinh hoạt, buôn bán xuất khẩu nông sản, bảo vệ lợi ích của người nông dân. Sự phát triển của các tổ chức HTX và hội nông dân giúp cho cộng đồng xã hội nông thôn phát triển hài hòa cả về kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường với điều kiện HTX thực sự hoạt động theo nguyên tắc tự lực, tự chịu trách nhiệm, quản lý dân chủ, hiệu quả hoạt động cao, có sự tương trợ lẫn nhau.

Chính sách về thị trường đầu ra: Cùng với việc hỗ trợ kỹ thuật giống mới cho sản xuất, hệ thống thủy lợi, cơ giới hóa, điện khí hóa từng bước các khâu trong quá trình sản xuất, nhất là khâu làm đất, khâu tưới nước và khâu thu hoạch.

Nhóm chính sách tác động gián tiếp:

Tăng cường đầu tư và tích cực chuyển giao công nghệ, đây là động lực chính cho tăng trưởng nông nghiệp tương lai, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng của nông sản; tăng khả năng cạnh tranh ở trong và ngoài nước. Đặc biệt, cần nhanh chóng thành lập viện công nghệ nông nghiệp, đủ sức nghiên cứu, phát minh, sáng chế kỹ thuật, công nghệ; gắn kết chặt chẽ các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo với các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện liên kết nông nghiệp, nông thôn với công nghiệp và đô thị nhằm thu hẹp khoảng cách giữa đô thị và nông thôn theo hướng đưa công nghiệp, kể cả công nghiệp nặng về phân tán ở nông thôn; điều chỉnh kế hoạch mở rộng các đô thị lớn thành xây dựng nhiều thành phố vệ tinh nhỏ nằm ở nông thôn; đồng thời, cải thiện hệ thống giao thông để cư dân nông thôn và đô thị có thể di chuyển thuận lợi. Điều này vừa giúp tăng thu nhập cho cư dân nông thôn vừa giúp giảm áp lực người dân nông thôn đổ dồn vào thành thị.

Mở rộng hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế nông nghiệp. Chủ động tham gia đàm phán và thực hiện các thỏa thuận hợp tác. Vận động tranh thủ nguồn vốn ODA, FDI, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Chính sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng cho kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển....□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10/06/2013 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*
2. Đặng Kim Sơn (2008). *Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3. Nguyễn Hồng Thu (2014). *Chính sách tam nông của Nhật Bản – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, truy cập từ <http://www.inas.gov.vn/622-chinh-sach-tam-nong-cua-nhat-ban-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam.html>
4. Kazuhito Yamashita (2006). Food and agriculture problems for Japan and the world in the twenty-first century, *Asia Pacific Review*, Vol 13, No 1, May, p. 1-15